TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 7 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đông.

Ông Lê Văn Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 412/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Đặng Thị Yến N, sinh ngày 19/8/2000 "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt".

Địa chỉ: khu V, phường K, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: anh Lưu Trung N1, sinh ngày 15/10/1995 "vắng mặt".

Địa chỉ: khu V (nay là khu vực Đặng Văn Đ), phường K, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đặng Thị Yến N trình bày:

- Về hôn nhân: chị Đặng Thị Yến N và anh Lưu Trung N1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 31/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ). Sau khi kết hôn chị N và anh N1 chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị N và anh N1 đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, nên chị N yêu cầu ly hôn với anh N1.

- Về con chung: trong thời gian chung sống chị N và anh N1 có 01 người con chung tên Lưu Lan A, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2019. Hiện nay cháu A đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu A thành niên. Chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị Đặng Thị Yến N và anh Lưu Trung N1 không có tài sản chung, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: trong thời gian chung sống chị Đặng Thị Yến N và anh Lưu Trung N1 không có nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Đặng Thị Yến N vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Bị đơn là anh Lưu Trung N1 đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ, nên anh N1 đã biết được yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Yến N. Anh N1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N.

Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập anh Lưu Trung N1 tham gia phiên tòa hai lần hợp lệ, nhưng anh N1 vắng mặt không có lý do và anh N1 cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2026 của nguyên đơn chị Đặng Thị Yến N thì chị N kiện anh Lưu Trung N1 là bị đơn cư trú tại khu vực N (nay là khu vực Đặng Văn Đ), phường K, thành phố Cần Thơ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn chị Đặng Thị Yến N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với bị đơn anh Lưu Trung N1, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Chị Đặng Thị Yến N là nguyên đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[1.4] Anh Lưu Trung N1 là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng

xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Đặng Thị Yến N và anh Lưu Trung N1 tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị N và anh N1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ) theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của chị N và anh N1 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị N và anh N1 chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên chị N và anh N1 sống không còn hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn thì chị N và anh N1 không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau và đã sống ly thân từ năm 2021. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị N và anh N1 không gặp nhau để bàn bạc về việc hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, Chị N yêu cầu được ly hôn; anh N1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N.

Xét thấy: hiện nay hôn nhân của chị Đặng Thị Yến N và anh Lưu Trung N1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu được ly hôn với anh N1 là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho Đặng Thị Yến N được ly hôn với anh N1.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống chị Đặng Thị Yến N và anh Lưu Trung N1 có 01 người con chung tên Lưu Lan A, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2019. Từ khi chị N và anh N1 sống ly thân cho đến nay chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A; anh N1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N.

Xét thấy: từ khi chị Đặng Thị Yến N và anh Lưu Trung N1 sống ly thân cho đến nay chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Hiện nay cháu A đang có cuộc sống ổn định cùng với chị N, nguyện vọng của cháu A cũng yêu cầu được sống chung với chị N, anh N1 không có ý kiến phản đối, nên việc chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu A, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, xử giao cháu A cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A thành niên. Do chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con, nên anh N1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh N1, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị Đặng Thị Yến N và anh Lưu Trung N1 không có tài sản chung, chị N và anh N1 không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: trong thời gian chung sống chị Đặng Thị Yến N và anh Lưu Trung N1 không có nợ chung, chị N và anh N1 không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Đặng Thị Yến N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008928 ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố C (khu vực 8), như vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Lưu Trung N1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Yến N.

1. Về hôn nhân: xử cho chị Đặng Thị Yến N được ly hôn với anh Lưu Trung N1.

2. Về con chung: giao cháu Lưu Lan A, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2019 cho chị Đặng Thị Yến N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A thành niên. Anh Lưu Trung N1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh N1 không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị Đặng Thị Yến N và anh Lưu Trung N1 không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Đặng Thị Yến N và anh Lưu Trung N1 không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Đặng Thị Yến N phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008928 ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố C (khu vực 8), như vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Lưu Trung N1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn chị Đặng Thị Yến N và bị đơn anh Lưu Trung N1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 36 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8 – Cần Thơ;
- UBND phường Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Liên Lâm Anh Thảo